

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM EDUCATION EQUIPMENT AND ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VEE E., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107613880

3. Ngày thành lập: 27/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42, phố Văn La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976303686

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như mực in, anilin, tinh dầu, chất màu, nhựa tổng hợp, dầu thơm, hương liệu;	4669
3.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
4.	In ấn	1811(Chính)
5.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
6.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất máy làm sạch hoặc sấy khô chai cho sản xuất đồ uống; - Sản xuất thiết bị chưng cất và tinh cất cho tinh chế dầu, hoá chất công nghiệp, công nghiệp đồ uống.	2819
7.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
8.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
9.	Thu gom rác thải độc hại	3812
10.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
15.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
16.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Bán buôn đồ uống	4633
19.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;	7210
20.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; thiết bị và dụng cụ đo lường; thiết bị phòng cháy, chữa cháy;	4659
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
26.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ;	4789
27.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
28.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
29.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
30.	Xây dựng công trình công ích	4220
31.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
34.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
36.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
39.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
40.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
41.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651

42.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4933
43.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
44.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
45.	Hoạt động thư viện và lưu trữ (trừ hoạt động nhà nước cấm)	9101
46.	Sản xuất rượu vang	1102
47.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;	2599
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	4774
51.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)	4761
52.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về nông học; Tư vấn về môi trường Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, lập đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; Tư vấn về công nghệ; Quan trắc và phân tích môi trường; Hoạt động khí tượng thủy văn;	7490
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
55.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
56.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.450.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH TÙNG	Thôn My Hạ, Xã Thanh Mai, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	58.000	580.000.000	40,000	019086000099	
			Tổng số	58.000	580.000.000	40,000		
2	PHẠM VĂN THẢO	Thôn My Hạ, Xã Thanh Mai, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	29.000	290.000.000	20,000	111613569	
			Tổng số	29.000	290.000.000	20,000		
3	LÊ VĂN QUÂN	Tiểu khu mía đường, Thị trấn Nt Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	58.000	580.000.000	40,000	050481502	
			Tổng số	58.000	580.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/06/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019086000099

Ngày cấp: 15/01/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn My Hạ, Xã Thanh Mai, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn My Hạ, Xã Thanh Mai, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội